

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NĐ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 144/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2022

V/v ly hôn giữa chị H và anh TA

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản

Bà Nguyễn Phương Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-5-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm 1 MT (nay là số 40/528 đường THL), phường MX, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm TA, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm 1 MT (nay là số 40/528 đường THL), phường MX, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 07-4-2022, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm TA kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MX, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định vào ngày 16-5-2008. Quá trình chung sống của vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không chia sẻ được với nhau những khó khăn trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra va chạm. Cuối năm 2020, vợ chồng chị sống ly thân, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phạm TA.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Phạm Cao T, sinh ngày 02-11-2008 và Phạm Minh H, sinh ngày 31-3-2013. Các con chung hiện đang sống anh TA và ông bà nội. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các con chung về người trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và vay nợ chung của vợ chồng: Chị xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố ND đã tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm TA theo quy định của pháp luật nhưng anh TA không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại bản tự khai, anh Phạm TA trình bày xác nhận về điều kiện kết hôn và con chung phù hợp với lời khai của chị Phạm Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Anh cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh và chị H đã ly thân khoảng 03 năm. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và vay nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 27-5-2022, anh Phạm TA có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt.

3. Tại biên thu thập tài liệu chứng cứ ngày 18-4-2022 của Tòa án nhân dân thành phố ND, chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị H và anh TA có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay đã sống ly thân. Chị H và anh TA có 02 con chung là Phạm Cao T, sinh ngày 02-11-2008 và Phạm Minh H, sinh ngày 31-3-2013. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh TA, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị, nếu không được đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tại đơn đề nghị ngày 27-5-2022 của cháu Phạm Cao T và cháu Phạm Minh H (con chung của chị H và anh TA), hai cháu đều có nguyện vọng được bố trực tiếp nuôi dưỡng.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh TA là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm TA. Về con chung: Anh TA có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; các con chung cũng có nguyện vọng được bố trực tiếp nuôi dưỡng; chị H đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của các con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Phạm TA, giao cho anh Phạm TA trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của anh TA không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Chị Phạm Thị H là nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm TA có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh TA.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phạm TA kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MX, thành phố ND, tỉnh Nam Định theo số đăng ký 55 ngày 16-5-2008 nên hôn nhân giữa chị H và anh TA là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm: Quá trình chung sống, chị H và anh TA xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không thông cảm, thấu hiểu và chia sẻ được với nhau những khó khăn trong cuộc sống nên thường xảy ra va chạm. Khoảng ba năm nay, anh chị sống ly thân, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh TA cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh TA ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị H và anh TA theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị H và anh TA có 02 con chung là Phạm Cao T, sinh ngày 02-11-2008 và Phạm Minh H, sinh ngày 31-3-2013. Nếu ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của các con. Anh TA yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Các con chung của anh chị đều có nguyện vọng

được bố trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, quan điểm của chị H và anh TA về người trực tiếp nuôi con, đồng thời hiện nay các con đang sống với anh TA và đều có nguyện vọng được bố trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Phạm TA giao cho anh Phạm TA trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là Phạm Cao T, sinh ngày 02-11-2008 và Phạm Minh H, sinh ngày 31-3-2013 theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh TA và chị H tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị H và anh TA xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Phạm Thị H là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm TA.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Cao T (giới tính: Nam), sinh ngày 02-11-2008 và Phạm Minh H (giới tính: Nữ), sinh ngày 31-3-2013 cho anh Phạm TA trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Phạm Thị H và anh Phạm TA tự thỏa thuận với nhau về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Phạm Thị H đã nộp tại biên lai số 0005218 ngày 08-4-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ND.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm TA có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Phạm Thị H và anh Phạm TA có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố ND;
- Chi cục THADS TP. ND;
- UBND phường MX (số 55/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tống Thị Kim Phụng